

Số: 2088/19/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vitaly (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 19 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Ths. Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2849-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		115.719.834.426	89.228.030.734
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	14.761.432.902	7.994.148.660
111	1. Tiền		10.261.432.902	7.994.148.660
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.048.422.964	11.967.481.695
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	32.659.035.849	11.350.020.391
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	984.337.784	999.148.751
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	162.781.331	166.552.553
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(757.732.000)	(548.240.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	65.947.333.669	67.432.696.646
141	1. Hàng tồn kho		73.483.025.201	74.594.024.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(7.535.691.532)	(7.161.327.356)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.962.644.891	1.833.703.733
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	998.344.822	1.084.141.641
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		964.300.069	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	-	749.562.092
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		103.794.638.192	97.309.029.456
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		71.838.427.324	79.393.458.045
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	71.838.427.324	79.393.458.045
222	- Nguyên giá		309.694.950.263	321.649.712.191
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(237.856.522.939)	(242.256.254.146)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.704.834.861	73.325.300
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	17.704.834.861	73.325.300
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	2.880.050.000	2.880.050.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.880.000.000	2.880.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000	50.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.371.326.007	14.962.196.111
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	3.966.204.974	5.248.794.435
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	V.11	7.405.121.033	9.713.401.676
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		219.514.472.618	186.537.060.190

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		151.200.958.003	131.365.884.323
310	I. Nợ ngắn hạn		128.094.016.657	122.308.745.533
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	55.548.552.051	48.240.785.290
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.053.568.805	968.499.526
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.246.877.509	878.921.688
314	3. Phải trả người lao động	V.15	7.680.227.279	6.872.648.440
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	14.581.408.133	15.605.899.671
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	9.082.613.186	8.720.875.349
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	38.891.434.284	41.011.780.159
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.335.410	9.335.410
330	II. Nợ dài hạn		23.106.941.346	9.057.138.790
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	11.200.000.000	2.800.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	11.906.941.346	6.257.138.790
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	68.313.514.615	55.171.175.867
410	I. Vốn chủ sở hữu		68.313.514.615	55.171.175.867
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		10.000.000.000	10.000.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		782.200.000	782.200.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22.468.685.385)	(35.611.024.133)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(35.611.024.133)	(43.515.592.175)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		13.142.338.748	7.904.568.042
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		219.514.472.618	186.537.060.190

Người lập biểu

Trần Thị Phụng

TRẦN THỊ PHỤNG

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

PHẠM THỊ QUẾ



Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc

Võ Văn Tùng
VÕ VĂN TÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Địa chỉ: Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

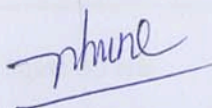
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

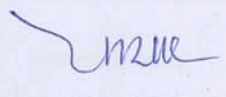
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	373.310.195.676	323.582.517.576
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	429.716.689	562.456.182
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		372.880.478.987	323.020.061.394
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	328.145.152.797	287.934.364.329
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.735.326.190	35.085.697.065
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	377.406.607	463.042.485
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	2.279.645.753	3.401.924.751
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.221.635.662	3.130.198.554
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	15.907.913.937	12.465.193.418
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	10.206.876.908	9.118.313.128
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.718.296.199	10.563.308.253
31	11. Thu nhập khác	VI.8	447.858.384	138.976.794
32	12. Chi phí khác	VI.9	511.524.294	462.267.650
40	13. Lợi nhuận khác		(63.665.910)	(323.290.856)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.654.630.289	10.240.017.397
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	3.512.291.541	2.335.449.355
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.142.338.748	7.904.568.042
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.643	988
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	1.643	988

Người lập biểu



TRẦN THỊ PHỤNG

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ QUẾ

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc

VÔ VĂN TÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

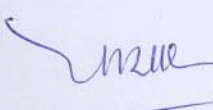
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.654.630.289	10.240.017.397
	2. Điều chỉnh cho các khoản		15.387.099.598	21.966.389.873
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8	12.851.407.768	16.033.302.074
03	- Các khoản dự phòng	V.5; V.6	583.856.176	3.101.045.403
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(14.311.968)	86.375.623
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(255.488.040)	(384.531.781)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	2.221.635.662	3.130.198.554
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.041.729.887	32.206.407.270
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21.514.636.194)	2.430.687.342
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.419.279.444	(14.541.934.864)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		15.773.393.357	(3.222.556.772)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.368.386.280	(130.070.518)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.295.366.311)	(1.496.761.061)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(1.875.652.935)	(3.402.842.718)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.917.133.528	11.842.928.679
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(22.927.886.608)	(18.770.825.455)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		101.408.040	49.132.241
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.080.000	335.399.540
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.672.398.568)	(18.386.293.674)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		32.246.740.370	26.976.910.234
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(28.717.283.689)	(25.733.945.500)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.529.456.681	1.242.964.734
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		6.774.191.641	(5.300.400.261)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.994.148.660	13.297.680.074
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.907.399)	(3.131.153)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	14.761.432.902	7.994.148.660

Người lập biểu



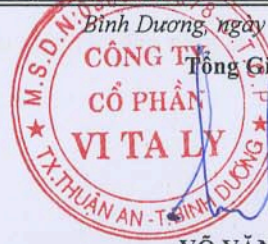
TRẦN THỊ PHỤNG

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ QUẾ

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc



VÕ VĂN TÙNG